

Số: 400/TB-TTYT

Tiên Điền, ngày 17 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm y tế Tiên Điền có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế nguồn tài trợ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu: Trung tâm Y tế Tiên Điền.

2. Thông tin người liên hệ chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Nguyễn Thị Xuân, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, SĐT: 0975792331, email: nguyenthixuan0402@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản giấy gửi về Văn thư, Trung tâm Y tế Tiên Điền, Số 68 Nguyễn Du, xã Tiên Điền, Hà Tĩnh.

Nhận trực tiếp tại Phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Y tế Tiên Điền, Số 68 Nguyễn Du, xã Tiên Điền, Hà Tĩnh.

Bản mềm bằng file PDF xin gửi qua email: nguyenthixuan0402@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 7h ngày 18/7/2026 đến trước 17h 30 ngày 29/7/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 29/7/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế mua sắm: (phụ lục kèm theo).

Quý nhà cung cấp có thể báo giá một hoặc nhiều chủng loại thiết bị y tế, một hoặc nhiều thiết bị y tế.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Trung tâm Y tế Tiên Điền, Số 68 Nguyễn Du, xã Tiên Điền, Hà Tĩnh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: không quá 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về điều khoản thanh toán:

Tạm ứng: không.

Thời hạn thanh toán: trong vòng 90 ngày sau khi nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm thông báo này.

Ghi chú: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tiêu chuẩn, tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của đơn vị hoặc email quy định tại khoản 3 mục I - Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, KD, TCKT.



Phụ lục Danh mục hàng hóa mua sắm

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày /7/2026 của TTYT Tiên Điền)

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	01	Máy	I. Yêu cầu chung
				Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2025 trở lại nay
				Xuất xứ máy chính thuộc khối các nước OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế)
				Máy chính đạt chứng chỉ chất lượng: ISO 13485
				Nguồn điện: 3 pha, 380V AC ± 10%, 50Hz
				II. Yêu cầu cấu hình
				1. Máy phát cao tần 01 chiếc
				2. Bóng phát tia và bộ chuẩn trực: 01 chiếc
				3. Bàn bệnh nhân: 01 chiếc
				4. Cột mang bóng: 01 chiếc
				5. Giá chụp phổi: 01 chiếc
				6. Bảng điều khiển: 01 bộ
				7. Tấm nhận ảnh kỹ thuật số: 02 tấm
				8. Máy tính trạm làm việc: 01 bộ
				9. Phần mềm xử lý ảnh: 01 bộ
				10. Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
				III. Yêu cầu thông số kỹ thuật
				3.1. Máy phát cao tần
				- Dải điện áp: ≤ 40- ≥ 150 KVp
				- Công suất: ≥ 50kW
				- Dải mA: ≤ 10- ≥ 630 mA
				- Bước thời gian: ≤ 1 - ≥ 10sec
				- Dải mAs: ≤ 1- ≥ 630 mAs
				- Có cổng kết nối: RS-232 hoặc tương đương
				3.2. Bóng phát tia và bộ chuẩn trực
				- Loại anode quay
				- Điểm hội tụ: ≤ 0.6 / ≤ 1.2 mm
				- Điện thế hoạt động: ≤ 40- ≥ 150 KV
				- Góc tới: ≤ 12°
				- Dung lượng trữ nhiệt Anode: ≥ 300,000 HU
				- Tốc độ tản nhiệt của anode: ≥ 660HU/s
				- Tốc độ quay của anode: ≥ 2700 rpm
				Bộ chuẩn trực:
				- Kiểu: Đa lá hoặc tương đương
				- Vùng khu trú tia: Hình chữ nhật hoặc hình vuông
				- Đèn nền: LED hoặc tương đương
				- Độ mở tối đa: ≥ 45 cm x 45 cm tại SID 100 cm
				- Góc quay của bộ chuẩn trực: ≥ ±180°
				3.3. Bàn bệnh nhân
				- Mặt bàn di chuyển được theo ≥ 4 hướng
				- Có khóa điện từ
				- Chiều dài của bàn: ≥ 2000 mm

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				- Chiều rộng của bàn: ≥ 800 mm - Khoảng dịch chuyển của casset: ≥ 520mm - Tải trọng: ≥ 300kg
				3.4. Cột mang bóng
				- Kiểu: gắn sàn-tường hoặc gắn sàn - Có khóa điện từ - Chiều cao của cột đỡ bóng: ≥ 2150 mm - Khoảng di chuyển của bóng theo trục dọc: ≤ 450 mm- ≥ 1850 mm (từ sàn tới tiêu điểm) - Khoảng di chuyển vào-ra của bóng: ≥ 220mm - Khoảng di chuyển ngang: ≥ 1450mm - Góc quay của cột bóng: $\pm 180^\circ$ - Góc quay của bóng: $\pm 180^\circ$
				3.5. Giá chụp phổi
				- Loại: Gắn cố định - Có khóa điện từ - Chiều cao của cột: ≥ 2180mm - Khoảng di chuyển theo chiều dọc: ≤ 400 mm- ≥ 780 mm - Kích thước của giá chụp phổi: $\geq 600 \times 640$ mm - Khay Cassette : Phù hợp với tất cả các cỡ
				3.6. Bảng điều khiển:
				- Cài đặt điều khiển bằng phím bấm - Hiện thị: màn hình LED - Hiện thị tối thiểu 3 tham số chụp: kV, mA, mAs - Báo cáo thông số chụp thực tế của máy phát sau khi chụp - Tự động bù các tham số kV, mA - Mạch bảo vệ chống quá tải cho bóng X-quang
				3.7. Tấm nhận ảnh kỹ thuật số:
				Tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số:
				- Loại cảm biến: Oxide TFT hoặc tương đương - Loại TFT: Oxide hoặc tương đương - Vật liệu phát quang: CsI - Kích thước (dài x rộng x dày, mm): $\geq (460 \text{ mm} \times 460 \text{ mm} \times 15 \text{ mm})$ - Số lượng điểm ảnh: $\geq 3072 \times 3072$ pixels - Kích thước điểm ảnh: $\leq 140 \mu\text{m}$ - Vùng hoạt động (mm): $\geq 430 \times 430$ mm - Chuyển đổi A/D: ≥ 16 bit - Đầu ra dữ liệu: ≥ 16 bit - Loại giao tiếp: Không dây và có dây - Tự động phát hiện tia: Có - Tiêu chuẩn chống nước, bụi tối thiểu: $\geq \text{IP68}$ - Tải trọng toàn tải: ≥ 400kg - Khả năng lưu trữ ảnh: ≥ 200 ảnh /tấm - Tấm bảo vệ cảm biến: Tấm sợi Carbon hoặc tốt hơn - Thời gian truyền ảnh: ≤ 1.5 giây (Có dây) và ≤ 2 giây (Không dây) - Pin: Thời gian sạc: ≤ 4 tiếng, Dung lượng pin: ≥ 4700 mAh
				8. Máy tính trạm làm việc

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				Cấu hình phần cứng: - CPU: Intel i5 thế hệ 6 trở lên - RAM: $\geq 8\text{GB}$ - Dung lượng lưu trữ: $\geq 512\text{GB}$ - OS: Windows 11 (64 bit) hoặc cao cấp hơn Màn hình: ≥ 27 inch, Độ phân giải $\geq 1920 \times 1080$ pixel 9. Tính năng phần mềm xử lý ảnh: Có tối thiểu các tính năng sau: <i>Danh sách chỉ định:</i> - Tìm kiếm và xem thông tin khám bệnh cho bệnh nhân - Đăng ký /Chỉnh sửa / Xóa thông tin khám bệnh cho bệnh nhân - Chế độ đăng ký khẩn cấp - Danh sách từ chối nhận ảnh - Hàng đợi <i>Ca chụp:</i> - Xác định và lựa chọn bộ phận chụp theo chỉ định - Hình ảnh thu được thông qua tích hợp tấm nhận và máy phát - Xem trước ảnh - Kích thước ROI tự động <i>Xem và xử lý ảnh:</i> - Xem ảnh, xóa ảnh - Xử lý ảnh sau khi chụp xong - Cung cấp thông tin về ca chụp - Phóng to / thu nhỏ - Phóng toàn màn hình, phóng vừa với màn hình - Xoay, Lật, đảo - Thêm chú thích - Đánh dấu - Biểu đồ - Mũi tên, Đường thẳng, hình vuông, hình elip, Thước kẻ, Góc - Xử lý hình ảnh - Chọn Tất cả, Xóa - Xuất ảnh (In, CD, USB) - Auto ROI - Cấu hình tích hợp PACS, MWL - Tiêu chuẩn ảnh DICOM IV. Yêu cầu khác - Được kiểm định trước khi bàn giao đưa vào sử dụng - Bảo hành tối thiểu ≥ 12 tháng - Cung cấp tài liệu: Hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng (Tài liệu gốc kèm bản dịch nếu bản gốc không phải tiếng Việt). - Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng trực tiếp tại đơn vị sử dụng.
02	Máy chạy thận nhân tạo	03	Máy	I. Yêu cầu chung - Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2025 trở lại nay - Xuất xứ máy chính thuộc khối các nước G7 - Máy chính đạt chứng chỉ chất lượng: ISO 13485 II. Yêu cầu cấu hình 1. Máy chính : 01 chiếc

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				2. Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 bộ 3. Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 bộ 4. Bộ dây nối với dịch lọc A, B (gắn sẵn): 01 bộ 5. Cây treo dịch truyền/ Cọc đỡ dịch môi: 01 cái 6. Giá đỡ quả lọc: 01 cái 7. Kẹp bầu động mạch: 01 cái 8. Dây nguồn (gắn sẵn) : 01 cái 9. Ấc quy dự phòng(gắn sẵn): 01 cái 10. Que hút hoá chất tẩy trùng : 01 cái 11. Màng lọc dịch siêu sạch (diasafe plus): 01 cái 12. Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ III. Tính năng kỹ thuật 3.1 Máy chính - Nguồn nước cấp: + Áp suất nước đầu vào: 1.5 – 6.0 bar. + Nhiệt độ nước đầu vào 5 °C – 30 °C - Nguồn điện: 230V ±10 % - Tuần hoàn ngoài cơ thể: + Bơm máu động mạch: Tốc độ bơm máu: 15 tới 600 ml/phút Độ chính xác: ±10 % + Kiểm soát áp lực động mạch: Khoảng hiển thị: – 300 mmHg tới + 280 mmHg Độ chính xác: ±10 mmHg + Kiểm soát áp lực tĩnh mạch: Khoảng hiển thị: – 60 mmHg tới + 520 mmHg Độ chính xác: ±10 mmHg + Kiểm soát áp lực xuyên màng: Khoảng hiển thị: – 60 mmHg tới + 520 mmHg + Có bộ phát hiện bọt khí + Bơm Heparin: Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 - 10 ml/h Bolus: tối đa 5 ml /lần. Kích cỡ xy lanh: 20 ml. - Tuần hoàn dịch lọc: + Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0 – 300 – 500 – 800 ml/phút + Nhiệt độ dịch lọc: 35 °C - 39 °C + Độ dẫn điện của dịch lọc: 12.8 - 15.7 mS/cm (25 °C), Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm - Các chương trình rửa máy + Rửa ở nhiệt độ 37°C + Rửa ở nhiệt độ 84°C IV. Yêu cầu khác - Được kiểm định trước khi bàn giao đưa vào sử dụng - Bảo hành tối thiểu ≥ 12 tháng - Cung cấp tài liệu: Hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng (Tài liệu gốc kèm bản dịch nếu bản gốc không phải tiếng Việt).

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng trực tiếp tại đơn vị sử dụng.
03	Máy siêu âm tổng quát	01	Máy	I. Yêu cầu chung Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2025 trở lại nay Xuất xứ máy chính thuộc khối các nước OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) Máy chính đạt chứng chỉ chất lượng: ISO 13485 Nguồn cung cấp: 100 – 240 V. tần số 50/60 Hz II. Yêu cầu cấu hình 1. Máy chính: 01 cái 2. Đầu dò Convex đa tần: 01 cái 3. Bộ máy vi tính: 01 bộ 4. Bộ lưu điện UPS online: 01 cái 5. Máy in màu: 01 cái 6. Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ III. Yêu cầu tính năng kỹ thuật 3.1. Máy chính - Lĩnh vực thăm khám: dùng cho thăm khám sản khoa, phụ khoa, ổ bụng, bộ phận nhỏ, tuyến vú, mạch máu, nhi khoa, tim mạch, trực tràng, thần kinh, cơ xương khớp - Công nghệ sử dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ đánh giá tim thai - Có Phần mềm siêu âm đàn hồi mô - Thông số hệ thống: + Màn hình hiển thị: Màn hình LCD kích thước ≥ 21 inches Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixel + Màn hình cảm ứng: Màn hình LCD kích thước ≥ 14 inches Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixel + Số ổ cắm đầu dò đồng thời: ≥ 3 cổng + Số kênh xử lý số hóa $\geq 9,000,000$ kênh + Độ sâu ảnh hiển thị tối đa: ≥ 42 cm + Độ sâu ảnh hiển thị tối thiểu: ≤ 1 cm + Thang xám hiển thị: ≥ 256 mức + Tốc độ khung hình 2D ≥ 3000 hình/giây + Tốc độ khung hình Doppler: ≥ 740 hình/giây + Tốc độ quét hình khối khi cài đặt sử dụng thêm Đầu dò khối: ≥ 46 hình/giây + Dải động lên đến: ≥ 380 dB + Hệ điều hành: Window 10, 64 bit hoặc cao hơn + Các mode hoạt động: B-mode (2D) M-mode M-mode giải phẫu Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao Mode Doppler dòng màu Mode Doppler năng lượng Mode Doppler năng lượng có độ nhạy cao

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				+ Hỗ trợ tối ưu hóa và xử lý hình ảnh: Tối ưu hóa chất lượng hình ảnh tự động với chỉ một nút bấm Tự động tối ưu hóa gain từng phần Tự động tối ưu tần số lặp xung khi làm siêu âm doppler Tự động tối ưu hóa gain của B-mode theo thời gian thực Tạo ảnh kết hợp từ nhiều khung hình thu được ở các góc lái khác nhau thành một khung hình duy nhất. Giảm nhiễu hạt Kỹ thuật tạo ảnh hòa âm mã hóa sử dụng công nghệ đảo xung Tính năng giảm bóng cản trên hình ảnh B-mode, giúp khôi phục thông tin mô và ranh giới cấu trúc. Cho phép phóng đại hình ảnh siêu âm ≥ 16 lần. + Các tính năng hỗ trợ người dùng: có tối thiểu các tính năng sau: Phần mềm tự động tính toán Doppler thời gian thực Lưu trữ dữ liệu thô: Cho phép người dùng tái xử lý, tối ưu hóa hình ảnh đã lưu trữ trên máy mà không cần có bệnh nhân. Kết nối với hệ thống lưu trữ và quản lý hình ảnh bệnh viện theo chuẩn Dicom 3.0 + Nhóm phần mềm hỗ trợ sản khoa: có tối thiểu các tính năng sau: Đo các thông số hình thái học sản khoa (BPD, HC, AC, FL, HL) Đo độ mờ da gáy Đo khoảng mở nội sọ Tự động tính toán nhịp tim thai + Nhóm phần mềm hỗ trợ siêu âm mạch máu tổng quát: có tối thiểu các tính năng sau: Doppler màu có độ nhạy cao, dễ dàng bắt các dòng chảy có vận tốc thấp. Các cài đặt sẵn để tối ưu hóa việc siêu âm lưu lượng mạch phù hợp với từng bộ phận khác nhau: động mạch tử cung, động mạch não giữa, động mạch rốn,... + Nhóm phần mềm hỗ trợ siêu âm phụ khoa: có tối thiểu các tính năng sau: Phần mềm hỗ trợ đánh giá u nang buồng trứng Phần mềm hỗ trợ khảo sát các trường hợp lạc nội mạc tử cung sâu Phần mềm hỗ trợ khảo sát và lập báo cáo phân tích đánh giá khối u trong nội mạc tử cung + Chức năng đo đạc và phân tích: có tối thiểu các tính năng sau: Các phép đo cơ bản Các phép đo trên M-mode Các phép đo trên Mode PW Gói tính toán chuyên sản khoa Gói siêu âm chuyên tim thai Gói tính toán chuyên phụ khoa Gói tính toán chuyên nhi khoa Gói tính toán chuyên ổ bụng Gói tính toán chuyên phần nông Gói tính toán chuyên tuyến vú Gói tính toán chuyên trực tràng

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				Gói tính toán chuyên mạch máu Gói tính toán chuyên tim mạch + Thông số kỹ thuật B Mode Tốc độ quét hình: ≥ 3000 hình/giây Lọc tín hiệu yếu: ≥ 50 bước Bản đồ màu: ≥ 10 loại Bản đồ xám: ≥ 20 loại + Thông số kỹ thuật M Mode Tốc độ quét: ≥ 6 bước Thời gian lưu: ≥ 60 giây Bản đồ xám: ≥ 20 loại Bản đồ màu: ≥ 10 loại + Thông số kỹ thuật Mode Doppler màu Lọc thành: ≥ 8 bước Lọc mịn: ≥ 12 bước Bảng đồ màu: ≥ 8 loại Tần số lặp xung: ≤ 100 Hz đến ≥ 20.5 kHz Tốc độ quét Doppler màu: ≥ 740 hình/giây + Thông số kỹ thuật mode Doppler năng lượng Lọc thành: ≥ 8 bước Lọc mịn: ≥ 12 bước Bảng đồ màu: ≥ 8 bước Tần số lặp xung: ≤ 100 Hz đến ≥ 20.5 kHz + Thông số kỹ thuật Mode Doppler xung Tần số lặp xung PRF: PW từ ≤ 1 kHz đến ≥ 22 kHz Cửa sổ phổ: từ ≤ 0.1 mm đến ≥ 20 mm Bảng đồ màu: ≥ 11 loại Bản đồ xám: ≥ 18 loại + Khả năng kết nối Có cổng HDMI Có cổng kết nối USB 3.2. Đầu dò Convex đa tần - Ứng dụng: bụng, sản khoa, phụ khoa - Dải tần: từ ≤ 2.0 đến ≥ 5.0 MHz - Số chấn tử: ≥ 128 - Góc quét tối đa (FOV): $\geq 80^\circ$ - Độ sâu khảo sát: tối đa ≥ 42 cm 3.3. Bộ máy tính - Bộ xử lý Core i5 hoặc cao cấp hơn, RAM ≥ 8GB, ổ cứng: ≥ 512 GB SSD - Màn hình kích thước $\geq 21,5$ inch, độ phân giải $\geq 1920 \times 1080$ pixels - Bàn phím + chuột: 01 bộ 3.4. Bộ lưu điện UPS online - Dung lượng: ≥ 1 kVA 3.5. Máy in màu - Cỡ giấy: A4 - Tốc độ in ≥ 20 tờ/phút

STT	Tên thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật
				- Có ≥ 04 hộp mực ngoài
				IV. Yêu cầu khác
				- Bảo hành tối thiểu ≥ 12 tháng
				- Cung cấp tài liệu: Hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng (Tài liệu gốc kèm bản dịch nếu bản gốc không phải tiếng Việt).
				- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng trực tiếp tại đơn vị sử dụng.
Tổng 03 danh mục				

Mẫu báo giá**BÁO GIÁ⁽¹⁾****Kính gửi: Trung tâm Y tế Tiên Điền**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Tiên Điền; chúng tôi[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

STT	Danh mục thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, Hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền ⁽⁹⁾ (VND)
1									
..									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁰⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế, đơn giá đã bao gồm giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước, thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.